

CÔNG TY CỔ PHẦN FUJI VIỆT NAM E&C
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN FUJI VIỆT NAM E&C

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: FUJI VIỆT NAM E&C

2. Mã số doanh nghiệp: 0110836206

3. Ngày thành lập: 16/09/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 4 tòa nhà Vimeco Lô E9, đường Phạm Hùng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0932555686

Fax:

Email: dat.fujivn@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy	7120
2.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
3.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
4.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
5.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
6.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
7.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
8.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy	4390(Chính)
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp	4659
10.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
11.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
12.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
13.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
14.	Phá dỡ (Không bao gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà, phá bom, mìn)	4311
15.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà, phá bom, mìn)	4312
16.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329

Thời gian đăng từ ngày 17/09/2024 đến ngày 17/10/2024

17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
20.	Sản xuất sắt, thép, gang (không hoạt động tại trụ sở)	2410
21.	Đúc sắt, thép (không hoạt động tại trụ sở)	2431
22.	Đúc kim loại màu (không hoạt động tại trụ sở)	2432
23.	Sản xuất các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2511
24.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2591
25.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2592
26.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2512
27.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng (không hoạt động tại trụ sở)	2593
28.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở)	2599
29.	Sản xuất đồ điện dân dụng (không hoạt động tại trụ sở)	2750
30.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
31.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2822
32.	Sản xuất máy luyện kim (không hoạt động tại trụ sở)	2823
33.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
34.	Xây dựng nhà không để ở	4102
35.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ Bán buôn vàng và kim loại quý khác) Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
36.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
37.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
38.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Trừ hoạt động đấu giá)	6810

39.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản (Không bao gồm kinh doanh Sàn giao dịch bất động sản, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất)	6820
40.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
41.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
42.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
43.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn trừ dịch vụ bảo vệ	8020
44.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy	4690

6. Vốn điều lệ: 18.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 18.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN HOÀNG VŨ	48 Đường số 4, KNỖ Bắc Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.800	1.800.000.000	10,000	0620830000 12	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.800	1.800.000.000	10,000		
2	NGUYỄN HẢI YẾN	Tổ 3, Thị Trấn Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.500	4.500.000.000	25,000	0011960310 89	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	4.500	4.500.000.000	25,000		

3	HOÀNG TUẤN ĐẠT	xóm Nội, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	7.200	7.200.000.000	40,000	0190810021 38
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	7.200	7.200.000.000	40,000	
4	TẠ THỊ TUYẾT	Thôn Nhân Hiền, Xã Hiền Giang, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	0011910034 78
			Cổ phần phổ thông	4.500	4.500.000.000	25,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	4.500	4.500.000.000	25,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG TUẤN ĐẠT

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 13/04/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 019081002138

Ngày cấp: 01/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: xóm Nội, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: xóm Nội, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội